TOÀ ÁN NHÂN D
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 02-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân D huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm C khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bùi Văn C, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1983 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Trịnh Thị N; có vợ là Phan Thị N và có 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bùi Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1985 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Bùi Thị U và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bùi Văn D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Í, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị G; có vợ là Nguyễn Thị Đ và có 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Bùi Văn D, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn G và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Vũ Thị Lan A và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Í, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị G; có vợ là Phan Thị H và có 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 12/HSST ngày 21-5-2002 của Tòa án nhân D huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng (đã được xóa án tích) về tội Cố ý gây thương tích; bị tạm giữ từ ngày 02-3-2024, đến ngày 05-3-2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02-3-2024, sau khi các bị cáo Lê Văn Q, Bùi Văn D, Bùi Văn T, Bùi Văn C, Nguyễn Văn H và Bùi Văn D ăn uống ở nhà Q ở Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng thì cùng nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức đánh "liêng" được thua bằng tiền. Các bị cáo lấy bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài có sẵn trong bếp nhà Q để đánh bạc. Hình thức chơi đánh "liêng" là người nhất sẽ chia cho mỗi người chơi 03 lá bài, mỗi người chơi góp 20.000 đồng tiền "gà", sau đó xem bài. Ai không chơi, úp bài xuống thì sẽ mất tiền "gà" và quy định "tố" thêm nhưng không quá 200.000 đồng/ván của tổng 06 người chơi. Cách tính điểm: Ai có "sáp" (03 lá bài cùng số) là to nhất ("sáp" Át to nhất, "sáp" 2 bé nhất); sau "sáp" là tính tổng điểm của 03 lá bài, 09 điểm là to nhất, nếu tổng điểm trên 10 hoặc trên 20 thì lấy hàng đơn vị để xác định điểm, các lá bài J, Q và K được tính là 0 điểm. Người chơi thắng sẽ được toàn bộ số tiền "gà" và tiền "tố". Trong quá trình đánh bạc, không có ai thu tiền hồ, không có người cảnh giới, cho vay tiền; không có người rủ rê, lôi kéo hoặc chuẩn bị C cụ đánh bạc. Tham gia đánh bạc, C có 2.700.000 đồng, T có 1.700.000 đồng, D có 1.300.000 đồng, D1 có 1.000.000 đồng, H có 500.000 đồng và Q có 300.000 đồng; các bị cáo dùng hết số tiền này để đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện An Lão bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Số tiền 7.500.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKS ngày 29-3-2024 của Viện kiểm sát nhân Dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà của bị cáo Q ở thôn Thượng Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão bị bắt quả tang vào khoảng 17 giờ, ngày 02-3-2024, thu giữ số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 7.500.000 đồng. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Đánh bạc. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, các bị cáo đều là người thực hành; Q cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình nên có vai trò tích cực hơn các bị cáo còn lại; ngoài ra, số tiền dùng đánh bạc cũng thể hiện vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. C, T, D, D1 và Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. H có 01 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện nhân thân xấu. Các bị cáo khác có nhân thân tốt. H là lao động chính trong gia đình và có vai trò thấp nhất trong đồng phạm. Vì vậy, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân D tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt Q từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, điểm i (không áp dụng với H), s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt H từ 15 đến 18 tháng, C từ 12 đến 15 tháng, T, D và D1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho mỗi bị cáo 03 ngày tạm giữ, tương ứng với 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn việc khấu trừ một phần thu nhập đối với H, C, T, D và D1.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài, tịch thu sung quỹ nhà nước 7.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Văn Q, Bùi Văn D, Bùi Văn T, Bùi Văn C, Nguyễn Văn H và Bùi Văn D tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02-3-2024, tại nhà của Q ở Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, các bị cáo cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng" bị Công an huyện An Lão bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 7.500.000 đồng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý cùng thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân D huyện An Lão truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo làm mất an ninh, trật tự địa phương nên cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, tổng số tiền đánh bạc không lớn nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Q, D1, T, C và D đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân*: Bị cáo H có 01 tiền án mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện nhân thân xấu, các bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

[7] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm*: Vụ án có đồng phạm quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; không có người tổ chức, chỉ huy; không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm; các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhiều hơn thể hiện mức độ tham gia phạm tội tích cực hơn. Mặc dù số tiền dùng để đánh bạc ít nhất nhưng Q cho các đồng phạm đánh bạc tại nhà của mình

nên có vai trò tích cực nhất. Theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự thì Q phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại.

[8] *Về hình phạt chính:* Q có vai trò cao nhất trong đồng phạm nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần xử phạt hình phạt tù ở mức trung bình của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân D tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. C, T, D và D1 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. H mặc dù có nhân thân xấu nhưng có vai trò thấp nhất trong đồng phạm, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ; bản thân bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội do ham chơi nhất thời. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, chỉ cần xử phạt H, C, T, D và D1 hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với các bị cáo; H phải chịu hình phạt cao hơn, sau đó đến các bị cáo C, T, D và D1. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt; cụ thể, 01 ngày tạm giữ được trừ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ; các bị cáo bị tạm giữ 04 ngày nên được trừ 12 ngày cải tạo không giam giữ. Do các bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn việc khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo.

[9] *Hình phạt bổ sung:* Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về xử lý vật chứng*: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài là C cụ phạm tội cần nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 7.500.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36 (không áp dụng với Lê Văn Q), các điểm i (không áp dụng với Nguyễn Văn H) và s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 (chỉ áp dụng với Lê Văn Q) của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn T, Bùi Văn D và Bùi Văn D1 phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt Lê Văn Q 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt:

- Nguyễn Văn H 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 (*mười bảy*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

- Bùi Văn C 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (*mười bốn*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

- Bùi Văn T 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (*mười một*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

- Bùi Văn D 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

- Bùi Văn D 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (*tám*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho Nguyễn Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn T, Bùi Văn D và Bùi Văn D. Giao Nguyễn Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn T, Bùi Văn D và Bùi Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Buộc Nguyễn Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn T, Bùi Văn D và Bùi Văn D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày, không quá 05 ngày trong 01 tuần. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (*năm mươi hai*) lá bài, thể hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Lão với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.500.000 (*bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng, thể hiện tại Ủy nhiệm chi lập ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Kho bạc nhà nước An Lão - Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc Lê Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn C, Bùi Văn T, Bùi Văn D và Bùi Văn D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cơ quan CSĐT C an huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS C an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Bát Trang, huyện An Lão;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt